

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 197/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 6 - 2026

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mẫn Xuyên;
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026, và quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cao Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- Bị đơn: Phạm Văn C, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10 tháng 3 năm 2026 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn là Bà Cao Thị L trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là ông Phạm Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên cự cãi, mỗi lần xảy ra cự cãi thì

bị đơn lại đánh đập nguyên đơn. Đến năm 2024, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Có 03 con chung là: Phạm Như A, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2000; Phạm Lan A1, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2002; Phạm Anh Đ, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2008. Hiện các con chung là Phạm Như A và Phạm Lan A1 đều đã trưởng thành và đã lập gia đình.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bị đơn; về con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Anh Đ, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, đối với các con chung là Phạm Như A và Phạm Lan A1 đã trưởng thành và không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là ông Phạm Văn C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

- Tại văn bản ngày 10 tháng 3 năm 2026, con chung của nguyên đơn và bị đơn là Phạm Anh Đ trình bày nguyện vọng muốn sống chung với nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hay do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xuất phát từ mâu thuẫn vợ chồng, các đương sự đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, các đương sự không gặp gỡ để bàn biện pháp hàn gắn quan hệ hôn nhân, mà bỏ mặc vợ, chồng để sống ly thân, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chứng minh hôn nhân giữa các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không

có mặt để trình bày ý kiến có mong muốn đoàn tụ hay không, chứng minh phía bị đơn không còn tha thiết hàn gắn hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Đối với các con chung là Phạm Như A và Phạm Lan A1 đều đã trên 18 tuổi và không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Phạm Anh Đ đã được nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng từ lúc các đương sự sống ly thân cho đến nay, đồng thời cháu D cũng có nguyện vọng sống chung với nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Anh Đ là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, nhưng nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn không có mặt để xác định các đương sự có tài sản chung, nợ chung hay không và có yêu cầu giải quyết hay không nên không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự có tài sản chung, nợ chung và có phát sinh tranh chấp thì các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn C.

1.2. Về con chung: Bà Cao Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Anh Đ, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2008; ông Phạm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Cao Thị L cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở ông Phạm Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2. Về án phí: Bà Cao Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004924 ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C thành án phí, không ai phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13 - Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Hoà An, TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng